

giảng viên. Do đó học viên phải tự đánh giá kết quả học tập của mình, từ đó điều chỉnh quá trình tự học giúp cho việc học tập tốt hơn.

- Phân bồi dưỡng dành cho địa phương: phần này các địa phương cần phải chủ động tổ chức xây dựng chương trình và tài liệu phù hợp với tình hình, đặc điểm và nhu cầu của từng địa phương mình./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC  
VÀ ĐÀO TẠO  
Thứ trưởng

**Nguyễn Văn Vọng**

## BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004 về việc ban hành “Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước”.**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ

*Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP*

*ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế cho Quyết định số 282/QĐ ngày 20/6/1980 của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước ban hành “Quy định về thể thức đánh giá và nghiệm thu các công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật”.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các

09673699

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ

*Thủ trưởng*

**Bùi Mạnh Hải**

## **QUY ĐỊNH đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước**

*(kèm theo Quyết định số 13/2004/  
QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004 của Bộ  
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).*

### *Chương I*

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Khái niệm đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ

Đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ (dưới đây gọi là đánh giá kết quả đề tài) là quá trình thẩm định, nhận định các kết quả nghiên cứu của đề tài so với toàn bộ nội dung của Hợp đồng khoa học và công nghệ hoặc Văn bản giao nhiệm vụ và các tài liệu pháp lý liên quan khác (dưới đây gọi chung là Hợp đồng) khi kết thúc Hợp đồng.

**Điều 2.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Các đề tài khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trong các Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước, các đề tài độc lập cấp Nhà nước (dưới đây gọi tắt là đề tài) và các công trình khoa học cấp Nhà nước khác trừ các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên và các đề tài khoa học xã hội và nhân văn.

**Điều 3.** Nguyên tắc đánh giá kết quả đề tài

Việc đánh giá kết quả đề tài được tiến hành theo 2 bước: đánh giá kết quả đề tài ở cấp cơ sở và đánh giá kết quả đề tài ở cấp Nhà nước. Mỗi bước đánh giá được tổ chức thực hiện riêng biệt.

**1. Đánh giá kết quả đề tài ở cấp cơ sở** (dưới đây gọi tắt là đánh giá cơ sở)

Việc đánh giá cơ sở được tiến hành ở Cơ quan chủ trì đề tài thông qua một Hội đồng khoa học và công nghệ do Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài thành lập (dưới đây gọi là Hội đồng đánh giá cơ sở) và phải được hoàn thành trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kết thúc Hợp đồng.

Hội đồng đánh giá cơ sở có trách nhiệm tư vấn cho Thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài nhận định về kết quả nghiên cứu của đề tài đã được thực hiện so với Hợp đồng và quyết định chuyển Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài đến Bộ Khoa học và Công nghệ để đánh giá ở cấp Nhà nước.



Hội đồng đánh giá cơ sở kết luận đánh giá kết quả đề tài theo hai mức: “Đạt” hoặc “Không đạt”.

## **2. Đánh giá kết quả đề tài ở cấp Nhà nước (dưới đây gọi tắt là đánh giá cấp Nhà nước)**

Việc đánh giá cấp Nhà nước được thực hiện bằng một Hội đồng Khoa học và Công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập và phải được hoàn thành trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ đánh giá cấp Nhà nước hợp lệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ thành lập Hội đồng đánh giá cấp Nhà nước đối với các đề tài được Hội đồng cơ sở đánh giá ở mức “Đạt”. Những đề tài được Hội đồng cơ sở đánh giá “Không đạt”, sẽ được Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xem xét, xử lý.

Hội đồng đánh giá cấp Nhà nước căn cứ vào Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài, trong đó có kết luận của Hội đồng đánh giá cơ sở và Bản nhận xét về kết quả thực hiện đề tài của Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ (đối với các đề tài thuộc các Chương trình khoa học và công nghệ) và Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) để đánh giá toàn diện các kết quả nghiên cứu của đề tài.

Đối với các đề tài có kết quả nghiên cứu là sản phẩm có các thông số kỹ thuật đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính) - dưới đây gọi là đề tài có các kết quả đo kiểm được, thì tính xác thực

của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ của đề tài phải được một Tổ chuyên gia thẩm định trước khi Hội đồng cấp nhà nước họp đánh giá.

**Điều 4.** Nguyên tắc làm việc của Hội đồng đánh giá cơ sở và Hội đồng đánh giá cấp Nhà nước

1. Chủ nhiệm đề tài và các cá nhân có tên trong danh sách tác giả thực hiện đề tài không được tham gia Tổ chuyên gia và các Hội đồng đánh giá kết quả đề tài của mình.

2. Phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt. Trong trường hợp thành lập Tổ chuyên gia, các thành viên Tổ chuyên gia mà không phải là thành viên Hội đồng có quyền tham gia tất cả các phiên họp của Hội đồng đánh giá kết quả đề tài cấp Nhà nước, nhưng không bỏ phiếu đánh giá.

3. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp và chỉ đạo các công việc của Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng sẽ thay Chủ tịch Hội đồng thực hiện những phần việc này.

## **Điều 5.** Về các chi phí phát sinh

1. Mọi chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và tài liệu của đề tài theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cơ sở do thực hiện chưa đúng với nội dung, và yêu cầu đã ghi trong Hợp đồng do Chủ nhiệm và cơ quan chủ trì đề tài tự trang trải, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung.



2. Những chi phí để kiểm định, đo đạc lại các thông số kỹ thuật và những chi phí phát sinh liên quan đến đánh giá của Hội đồng đánh giá cấp Nhà nước và Tổ chuyên gia được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ.

## Chương II

### ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ

#### Điều 6. Hồ sơ đánh giá cơ sở

1. Chậm nhất là đến thời điểm kết thúc Hợp đồng, Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm nộp ba (03) bộ Hồ sơ đánh giá cơ sở cho cơ quan chủ trì đề tài, trong đó có ít nhất một (01) bộ gốc.

2. Bộ Hồ sơ đánh giá cơ sở gồm:

a) Hợp đồng;

b) Những tài liệu và sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài với số lượng và yêu cầu như đã nêu trong Hợp đồng;

c) Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là thiết bị), các số liệu điều tra - khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài;

d) Bản tự đánh giá về tình hình thực hiện và về những đóng góp mới của đề tài - về những nội dung khoa học và công nghệ chưa được công bố trên các ấn phẩm trong và ngoài nước đến thời điểm kết thúc đề tài (Biểu D1-1-ĐGMOI).

đ) Các Biên bản kiểm tra định kỳ của

Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ;

e) Báo cáo về kết quả thử nghiệm hoặc ứng dụng các sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài (thiết bị, công nghệ, quy trình công nghệ,...), ý kiến nhận xét của người sử dụng và/hoặc các tài liệu về đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài của các Cơ quan đo lường thử nghiệm có thẩm quyền (của các Phòng thí nghiệm chuyên ngành, các Trung tâm kỹ thuật, Trung tâm đo lường, Cơ quan giám định kỹ thuật,...);

f) Bản nhận xét về kết quả thực hiện đề tài của Ban Chủ nhiệm Chương trình tương ứng đối với các đề tài thuộc Chương trình khoa học và công nghệ (Biểu D1-2-BCNCT-NX);

g) Báo cáo đề nghị quyết toán tài chính của đề tài.

#### Điều 7. Kiểm tra Hồ sơ đánh giá cơ sở

Cơ quan chủ trì đề tài có trách nhiệm kiểm tra Hồ sơ đánh giá cơ sở, nếu thấy không đủ số liệu và/hoặc thiếu các tài liệu liên quan cần thiết thì phải yêu cầu và tạo điều kiện để Chủ nhiệm đề tài thực hiện bổ sung việc kiểm tra, đo đạc các thông số kỹ thuật của các sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài trong phòng thí nghiệm và/hoặc tại các cơ quan đo lường thử nghiệm có thẩm quyền.

#### Điều 8. Hội đồng đánh giá cơ sở



1. Hội đồng đánh giá cơ sở gồm 7 đến 9 thành viên có uy tín trong và ngoài cơ quan, là các cán bộ khoa học và công nghệ, kinh tế, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; Hội đồng đánh giá cơ sở cử ít nhất hai thành viên làm phản biện.

2. Phương thức và quy trình làm việc của Hội đồng đánh giá cơ sở được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

### **Điều 9. Đánh giá cơ sở**

1. Căn cứ vào Hồ sơ đánh giá cơ sở, Hội đồng đánh giá cơ sở đánh giá kết quả đề tài và viết Phiếu nhận xét đánh giá cơ sở về kết quả đề tài theo các nội dung sau:

a) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc và các chỉ tiêu theo yêu cầu của Hợp đồng;

b) Mức độ hoàn chỉnh của các tài liệu công nghệ;

c) Những vấn đề tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết.

2. Hội đồng đánh giá cơ sở xếp loại đề tài theo 2 mức sau: “Đạt” hoặc “Không đạt”.

Đề tài được đánh giá ở mức “Đạt” là đề tài được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đã hoàn thành được khối lượng công việc cơ bản với chất lượng các chỉ tiêu công nghệ hoặc chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu đạt yêu cầu đã nêu trong Hợp đồng và không vi phạm

một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản này.

Đề tài được đánh giá ở mức “Không đạt”, nếu vi phạm một trong những trường hợp sau đây:

a) Chưa đạt hoặc không đạt được khối lượng công việc cơ bản và các chỉ tiêu chủ yếu so với Hợp đồng;

b) Kết quả khoa học và công nghệ không thể lặp lại được, không có giá trị khoa học hoặc không có giá trị sử dụng;

c) Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

d) Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của đề tài (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

đ) Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung và thay đổi thiết kế, kế hoạch thực hiện;

e) Nộp Hồ sơ đánh giá chậm so với thời hạn kết thúc Hợp đồng từ 6 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Đối với những đề tài có các đề tài nhánh độc lập với nhau, có thể đánh giá từng đề tài nhánh trước khi đánh giá chung cả đề tài. Việc đánh giá đề tài nhánh cũng theo những nội dung đã được quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này.

### **Điều 10. Xử lý kết quả đánh giá cơ sở**

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

có kết luận của Hội đồng đánh giá cơ sở, Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài phải gửi mười ba (13) bộ Hồ sơ - riêng đối với loại tài liệu là bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là thiết bị), số liệu điều tra khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài và Báo cáo tổng kết khoa học và kỹ thuật (Báo cáo tổng kết nghiệm thu) của đề tài chỉ cần nộp 3 bản, đối với các đề tài được đánh giá ở mức "Đạt" và ba (03) bộ Hồ sơ đối với các đề tài được đánh giá ở mức "Không đạt", trong đó có ít nhất 1 bản gốc, đến Bộ Khoa học và Công nghệ. Đối với các đề tài thuộc các Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước, Hồ sơ đánh giá phải được Ban chủ nhiệm Chương trình tương ứng nhất trí thông qua, trước khi gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với những đề tài được Hội đồng đánh giá cấp cơ sở đánh giá ở mức "Không đạt" do vi phạm điểm a hoặc b khoản 2 Điều 9 của Quy định này, thời gian thực hiện đề tài có thể được gia hạn tối đa thêm 6 tháng, nếu Cơ quan chủ trì đề nghị bằng văn bản kèm theo Hồ sơ đánh giá cơ sở và Biên bản Hội đồng đánh giá cơ sở cho Bộ Khoa học và Công nghệ (và Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ - nếu có).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ, sau khi tham khảo ý kiến của Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ (nếu có), phải thông báo về việc có chấp thuận gia hạn hay không.

Sau thời gian được gia hạn, Hội đồng đánh giá cơ sở sẽ tổ chức đánh giá lại. Việc đánh giá lại phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ đánh giá lại cơ sở hợp lệ và theo những nội dung và trình tự đã nêu tại Điều 9 của Quy định này.

3. Đối với các đề tài được đánh giá "Không đạt" liệt kê dưới đây, Hội đồng đánh giá cơ sở có trách nhiệm xem xét, xác định những nội dung công việc đã thực hiện đúng Hợp đồng làm căn cứ để Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét công nhận số kinh phí được quyết toán của đề tài:

a) Đề tài được đánh giá "Không đạt" do vi phạm một trong các điểm c, d, đ, e và e khoản 2 Điều 9 của Quy định này;

b) Đề tài không được chấp thuận gia hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Đề tài đã được đánh giá lại theo những quy định tại khoản 2 Điều này ở mức "Không đạt".

### Chương III

## ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC

**Điều 11.** Hồ sơ đánh giá cấp Nhà nước (dưới đây gọi là Hồ sơ đánh giá)

1. Hồ sơ đánh giá gồm:

a) Công văn đề nghị đánh giá cấp nhà nước của Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài theo Biểu D2-2-ĐONĐG;



b) Hồ sơ đánh giá cơ sở đã được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cơ sở;

c) Quyết định thành lập Hội đồng và Biên bản đánh giá cơ sở;

d) Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong Danh sách tác giả thực hiện đề tài (Biểu D2-3-DSTG) - đối với các đề tài được đánh giá ở mức "Đạt".

2. Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của Hồ sơ đánh giá và yêu cầu Chủ nhiệm đề tài và Cơ quan chủ trì đề tài bổ sung hoàn chỉnh Hồ sơ đánh giá khi thấy cần thiết. Ngày ghi trên giấy biên nhận Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài cấp nhà nước (Biểu D2-1-BNHS-NN) là ngày tính thời điểm nộp Hồ sơ hợp lệ.

**Điều 12.** Hội đồng đánh giá cấp Nhà nước (dưới đây gọi là Hội đồng)

1. Hội đồng có từ 9 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, có ít nhất 2 thành viên phản biện và các thành viên khác.

Đối với các đề tài có các kết quả đo kiểm được, Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia đánh giá. Tổ chuyên gia có 3 - 5 thành viên, gồm các ủy viên phản biện của Hội đồng và các chuyên gia ngoài Hội đồng do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng làm Tổ trưởng.

Thành viên Hội đồng gồm:

+ Ít nhất 1/3 đại diện cho các cơ quan

quản lý nhà nước và đại diện tổ chức sản xuất - kinh doanh sử dụng kết quả khoa học và công nghệ, các tổ chức khác có liên quan;

+ Khoảng 2/3 là các cán bộ khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao đánh giá.

Thành viên của Tổ chuyên gia và Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn đánh giá. Đối với các đề tài thuộc các Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, một (01) đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình là thành viên đương nhiên của Hội đồng.

Những chuyên gia đã tham gia Hội đồng tuyển chọn hoặc Hội đồng xét duyệt thuyết minh đề tài được ưu tiên xem xét mời tham gia Hội đồng.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ cử các chuyên viên làm Thư ký giúp việc Hội đồng.

3. Phương thức và quy trình làm việc của Hội đồng được quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

**Điều 13.** Phiên họp trừ bị của Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có)

Trên cơ sở xem xét Hồ sơ đánh giá và các tài liệu liên quan khác, Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có) trao đổi để thống nhất về:



a) Phương thức làm việc của Hội đồng và Tổ chuyên gia;

b) Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức để Tổ chuyên gia hoặc một số thành viên Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả đề tài, nếu thấy cần thiết.

c) Kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với đề tài có các kết quả đo kiểm được, nếu thấy cần thiết, đồng thời đề xuất để Bộ Khoa học và Công nghệ mời Cơ quan đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện.

d) Bố trí lịch làm việc của Tổ chuyên gia và Hội đồng.

**Điều 14.** Công tác thẩm định của Tổ chuyên gia

1. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy của toàn bộ tài liệu, mẫu hiện vật, các sản phẩm của đề tài: nhận định về tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ thông qua việc kiểm tra sổ nhật ký đề tài, các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng, các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm,... trên cơ sở Hồ sơ đánh giá, khảo sát hiện trường (nếu có), đối chiếu với yêu cầu của Hợp đồng và lập Báo cáo thẩm định (Biểu D2-4-BCTĐ).

2. Báo cáo thẩm định gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản so với Hợp đồng;

b) Mức độ hoàn thành và tính xác thực của các chỉ tiêu cơ bản của các sản phẩm của đề tài so với yêu cầu đã ghi trong Hợp đồng;

c) Mức độ hoàn chỉnh và độ tin cậy của tài liệu công nghệ của đề tài.

**Điều 15.** Thành viên Hội đồng nghiên cứu Hồ sơ, tài liệu và viết nhận xét đánh giá

Các thành viên của Hội đồng tiến hành xem xét, nghiên cứu toàn bộ Hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan, trong đó có Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và viết Phiếu nhận xét đánh giá kết quả khoa học và công nghệ của đề tài (Biểu D2-5-PNXĐT-NN).

**Điều 16.** Đánh giá của Hội đồng

1. Trên cơ sở xem xét, nghiên cứu toàn bộ Hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan và Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá kết quả đề tài của các ủy viên phản biện, trao đổi thảo luận, nhận định, chấm điểm (Biểu D2-6-PĐGĐT-NN) để xếp loại đề tài theo 4 nhóm tiêu chuẩn với thang điểm 40 điểm được quy định như sau:

**2. Các tiêu chuẩn đánh giá:**

a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản kết quả nghiên cứu của đề tài so với yêu cầu của Hợp đồng, bao gồm:



- Mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản

Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm đã hoàn thành so với Hợp đồng.

- Về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ

+ Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...

+ Về mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tài liệu công nghệ,...

b) Giá trị khoa học của các kết quả nghiên cứu của đề tài

- Về tính mới, tính sáng tạo của kết quả nghiên cứu đã tạo ra;

- Về tình hình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài (bài báo, ấn phẩm,...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn;...

- Về những thành tựu nổi bật khác liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của đề tài, thể hiện bằng những đóng góp cụ thể:

+ Vị thế của nhà khoa học (những cá nhân tham gia đề tài) trong giới khoa học quốc tế, những công việc tư vấn được mời tham gia;

+ Có giá trị khoa học xuất sắc trong nước và so sánh được với những kết quả nghiên cứu tương tự trình độ quốc tế: đóng góp vào các thành tựu khoa học trình độ quốc tế,...

c) Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả khoa học và công nghệ.

- Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế và triển vọng áp dụng;

- Tình hình được cấp Bằng sáng chế, hoặc giải pháp hữu ích;

- Về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội

Sản phẩm đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn; các cơ sở dữ liệu, cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch, mô hình,... đã được sử dụng trong việc hoạch định các kế hoạch, quy hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội các cấp có ý nghĩa thực tiễn cao,...

d) Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của đề tài.

- Về tổ chức và quản lý đề tài;

- Về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của đề tài.

### 3. Hội đồng bỏ phiếu chấm điểm

Những phiếu hợp lệ là những phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng chỉ tiêu đánh giá. Mức đánh giá chung của đề tài được tính bằng điểm trung bình của các thành viên Hội đồng.

Ban kiểm phiếu báo cáo Hội đồng kết quả kiểm phiếu theo Biểu D2-7-KPDGĐT-NN.

Hội đồng xếp loại đề tài vào một trong 2 mức sau: “Đạt” hoặc “Không đạt”.

a) Đề tài được đánh giá ở mức “Đạt” là những đề tài đạt tổng số điểm từ 20 điểm trở lên và không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ hoặc e khoản 2 Điều 9 Quy định này. Mức “Đạt” được chia ra các mức A, B, C tương ứng với số điểm từ cao xuống thấp.

b) Đề tài sau đây được đánh giá ở mức “Không đạt”:

- Có tổng số điểm dưới 20 điểm, hoặc:
- Vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định này.

Hội đồng lập Biên bản đánh giá gửi Bộ Khoa học và Công nghệ theo mẫu quy định (Biểu D2-8-BBĐGĐT-NN).

**Điều 17.** Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá

1. Những đề tài đã được Hội đồng đánh giá ở mức “Không đạt” do có tổng số điểm dưới 20 điểm như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 của Quy định này, nếu

chưa được gia hạn thêm thời gian tại bước đánh giá cơ sở, sẽ có thời hạn tối đa 6 tháng kể từ khi có kết luận của Hội đồng cho việc hoàn thiện các sản phẩm và tài liệu của đề tài để đánh giá lại.

Sau thời hạn nêu trên, việc đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ đánh giá lại cấp Nhà nước hợp lệ và theo những tiêu chuẩn và trình tự đã nêu tại Điều 13, 14, 15 và 16 của Quy định này.

2. Đối với các đề tài được các Hội đồng tổ chức đánh giá lại thì mức đánh giá xếp loại cao nhất là mức “Đạt” loại C, trừ trường hợp đặc biệt.

3. Đối với các trường hợp đề tài đã được đánh giá ở mức “Không đạt”, Hội đồng có trách nhiệm xem xét xác định những nội dung công việc đã thực hiện đúng Hợp đồng làm căn cứ để Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét công nhận số kinh phí được quyết toán của đề tài.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản làm việc của Hội đồng, Chủ nhiệm đề tài và Cơ quan chủ trì có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh Hồ sơ đánh giá theo kiến nghị của Hội đồng và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

### Chương IV

### GHI NHẬN KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

**Điều 18.** Ghi nhận kết quả đánh giá và nộp báo cáo kết quả nghiên cứu



Đối với các đề tài được đánh giá ở mức Đạt, trong vòng 20 ngày kể từ khi nhận được Hồ sơ đề tài hoàn thiện, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hoàn thành việc xem xét và ghi nhận kết quả đánh giá (Biểu D3-1-GNKQĐG-NN). Trường hợp phát hiện kết luận tại Biên bản đánh giá của Hội đồng không phù hợp với Quy định này thì Bộ Khoa học và Công nghệ có thể yêu cầu các Hội đồng đánh giá, Tổ chuyên gia và/hoặc Cơ quan đo lường thử nghiệm bổ sung, sửa đổi.

Trong các trường hợp kết quả của đề tài đã được Hội đồng đánh giá cơ sở đánh giá hoặc đánh giá lại và được kết luận ở mức “Không đạt”, hoặc không được chấp thuận gia hạn như đã nêu tại khoản 3 Điều 10 của Quy định này, Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá cơ sở để xem xét, ghi nhận kết quả đánh giá.

Các văn bản, tài liệu, Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài được Bộ Khoa học và Công nghệ và Cơ quan chủ trì đề tài phân loại, lưu trữ, bảo quản; Cơ quan chủ trì đề tài và Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm nộp báo cáo kết quả nghiên cứu cho Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định hiện hành.

**Điều 19.** Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

Đề tài được thực hiện việc quyết toán và thanh lý Hợp đồng sau khi việc đánh

giá kết quả đề tài đã được ghi nhận và báo cáo kết quả nghiên cứu đã giao nộp cho Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, đồng thời, các sản phẩm của đề tài và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đề tài đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành.

Quy trình tổng thể các bước công việc đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước được trình bày trong Phụ lục 3 của Quy định này.

## Chương V

### TRÁCH NHIỆM TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ

**Điều 20.** Trách nhiệm của Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài

1. Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết liên quan đến kết quả nghiên cứu để Hội đồng đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu đã cung cấp.

2. Trong quá trình thực hiện đề tài, nếu có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ thì sẽ bị xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Trường hợp Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài vi phạm các điểm c và d

khoản 2 Điều 9 của Quy định này được phát hiện sau khi đã hoàn thành việc đánh giá kết quả đề tài, thì những kết luận đánh giá ở mức Đạt bị hủy bỏ và được xếp loại và xử lý theo mức “Không đạt”.

**Điều 21.** Trách nhiệm của Hội đồng đánh giá và của cá nhân tham gia đánh giá

1. Các thành viên Hội đồng, các chuyên gia, các công chức của cơ quan quản lý khác và của Bộ Khoa học và Công nghệ (dưới đây gọi là các cá nhân tham gia đánh giá) có trách nhiệm thực hiện việc đánh giá trung thực, khách quan, chính xác, đảm bảo nguyên tắc dân chủ và phải chịu trách nhiệm về các ý kiến tư vấn và các hành vi của mình trong quá trình tham gia đánh giá.

2. Các cá nhân tham gia đánh giá không được công bố, cung cấp thông tin về kết quả nghiên cứu của đề tài, sử dụng, chuyển nhượng cho người khác kết quả nghiên cứu của đề tài mà mình biết, khi chưa được sự đồng ý của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài.

3. Các thành viên Hội đồng đánh giá vi phạm các nội dung quy định trên thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và không được tiếp tục tham gia việc đánh giá các đề tài khác có kinh phí từ ngân sách nhà nước trong 3 năm.

4. Các công chức của cơ quan chủ trì đề tài và cơ quan quản lý khoa học và công nghệ vi phạm các quy định ở khoản 2 và 3 của Điều này sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

**Điều 22.** Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức đánh giá đề tài cấp Nhà nước theo đúng Quy định này và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định trong quá trình tổ chức, đánh giá, nghiệm thu và xử lý các công chức của Bộ vi phạm quy định trong quá trình tổ chức đánh giá.

**Điều 23.** Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài được đánh giá và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại các quyết định hành chính; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi hành chính của các công chức, Cơ quan chủ trì đề tài và Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình tổ chức đánh giá đề tài.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

## Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 24.** Điều khoản thi hành



1. Đối với các đề tài đã được đánh giá cơ sở theo Quy định về thể thức đánh giá và nghiệm thu các công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ ngày 20/6/1980 của Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) xong trước ngày có hiệu lực của Quy định này thì việc tổ chức đánh giá cấp Nhà nước được thực hiện theo Quy định số 282/QĐ.

2. Việc đánh giá nghiệm thu kết quả Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước được áp dụng tương tự các nguyên tắc, trình tự, các bước tiến hành đã được quy định tại Quy định này. Các tiêu chuẩn đánh giá nghiệm thu kết quả Dự

án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước được nêu tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể vận dụng Quy định này để nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy định về việc đánh giá nghiệm thu các kết quả nghiên cứu các đề tài Khoa học và Công nghệ thuộc phạm vi quản lý của mình./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ

*Thứ trưởng*

**Bùi Mạnh Hải**

09673699

**D3-1-GNKQDG-NN**

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày..... tháng .....năm 200.....

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Về việc ghi nhận kết quả đánh giá kết quả nghiên cứu  
Đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước*

**(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)**

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định  
chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định  
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và  
Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;*

*Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tư vấn đánh giá nghiệm thu  
Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Nhà nước được thành lập kèm theo Quyết định  
số ...../200...../QĐ-BKHCN ngày ..../..../200... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công  
nghệ;*

*Xét đề nghị của các Ông Vụ trưởng Vụ Chuyên ngành... và Vụ Kế hoạch - Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ghi nhận kết quả đánh giá kết quả Đề tài khoa học và công nghệ cấp  
Nhà nước “.....tên Đề tài.....”,

Chủ nhiệm Đề tài:

Cơ quan chủ trì Đề tài:

Đã được đánh giá và kết luận ở mức “Đạt” (A, B, C) hoặc “Không đạt”.



**Điều 2. (để lại những nội dung thích hợp)**

(Đối với Đề tài được kết luận ở mức “Đạt”) Đề tài được thực hiện việc quyết toán và thanh lý Hợp đồng sau khi báo cáo kết quả nghiên cứu đã giao nộp cho Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, đồng thời, các sản phẩm của Đề tài và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện Đề tài đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của Đề tài được thực hiện theo các quy định hiện hành.

(Đối với Đề tài được kết luận ở mức “Không đạt”) Đề tài được thực hiện việc quyết toán và thanh lý Hợp đồng sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ xác định số kinh phí được quyết toán của Đề tài; đồng thời, các sản phẩm của Đề tài và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện Đề tài đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các Ông Vụ trưởng Vụ chuyên ngành..., Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm Đề tài và các Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ****Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu VT, Vụ Chuyên ngành  
Bộ Khoa học và Công nghệ.

## Phụ lục 1

# PHƯƠNG THỨC VÀ QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC

(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

### I. Thời hạn hoàn thành đánh giá cơ sở kết quả Đề tài

Việc đánh giá cơ sở được tiến hành ở Cơ quan chủ trì Đề tài do một Hội đồng Khoa học và Công nghệ do Thủ trưởng Cơ quan chủ trì Đề tài thành lập (dưới đây gọi là Hội đồng đánh giá cơ sở) và phải được hoàn thành trong thời hạn 60 ngày kể từ kết thúc Hợp đồng.

### II. Nghiên cứu Hồ sơ đánh giá và các tài liệu liên quan

Từng thành viên Hội đồng đánh giá cơ sở nghiên cứu Quy định về việc đánh giá nghiệm thu Đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước được ban hành kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (dưới đây gọi tắt là Quy định đánh giá kết quả Đề tài), xem xét Hồ sơ Đề tài: sổ nhật ký Đề tài, các tài liệu gốc, bản vẽ thiết kế; mẫu sản phẩm, báo cáo khoa học; báo cáo về tình hình thực hiện và tính mới của Đề tài; các báo cáo về kết quả thử nghiệm, ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ hoặc các văn bản đo đạc, kiểm tra các sản phẩm khoa học và công nghệ của Đề tài đã được các Cơ quan đo đạc có thẩm quyền chứng nhận và Bản nhận xét về kết quả thực hiện Đề tài của Ban chủ nhiệm Chương trình Khoa học và Công nghệ tương ứng (đối với các Đề tài thuộc các Chương trình) và đối chiếu so sánh với Hợp đồng để viết Phiếu nhận xét đánh giá cơ sở (Biểu D1-3-PNXĐT-CS) và gửi đến Thư ký Hội đồng để sao gửi Chủ tịch và các thành viên Hội đồng đánh giá cơ sở.

### III. Phiên họp của Hội đồng đánh giá cơ sở

A. Phiên họp của Hội đồng đánh giá cơ sở phải được tổ chức sau khi nhận được các Phiếu nhận xét đánh giá cơ sở (Biểu D1-3-PNXĐT-CS) của tất cả các thành viên Hội đồng.

1. Thư ký Hội đồng đọc Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Đại diện Cơ quan chủ trì nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu của Quy định đánh giá kết quả Đề tài, trong đó nêu chi điểm về nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá cơ sở.



## B. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng

### 1. Các ủy viên phản biện của Hội đồng đọc Phiếu nhận xét nghiệm thu cơ sở.

Thư ký Hội đồng đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

### 2. Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá

Căn cứ Hồ sơ đánh giá và các kết quả đã đạt được của Đề tài, đối chiếu với Hợp đồng của Đề tài, Hội đồng thảo luận, trao đổi, nhận xét đánh giá về từng nội dung đã được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài, đặc biệt xem xét đánh giá kỹ lưỡng về việc có hay không vi phạm những trường hợp đã quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài.

### 3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên Hội đồng (trong đó bầu một trưởng ban).

Hội đồng bỏ phiếu đánh giá Đề tài (Biểu D1-4-PĐGĐT-CS). Những phiếu hợp lệ là những phiếu đánh giá vào một trong 2 mức: "Đạt" hoặc "Không đạt".

Đề tài được đánh giá ở mức "Đạt" là Đề tài được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đã hoàn thành được khối lượng công việc cơ bản với chất lượng các chỉ tiêu công nghệ hoặc chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu đạt yêu cầu đã nêu trong Hợp đồng và không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài. Nói cách khác, Đề tài được đánh giá ở mức "Đạt" khi có ít nhất 2/3 số phiếu đánh giá "Đạt" trên tổng số thành viên Hội đồng có mặt.

Đề tài được đánh giá ở mức "Không đạt", nếu vi phạm một trong những trường hợp sau đây:

a) Chưa đạt hoặc không đạt được khối lượng công việc cơ bản và các chỉ tiêu chủ yếu so với Hợp đồng;

b) Kết quả Khoa học Công nghệ không thể lặp lại được, không có giá trị khoa học hoặc không có giá trị sử dụng;

c) Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

d) Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của đề tài (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

đ) Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung và thay đổi thiết kế, kế hoạch thực hiện;

e) Nộp Hồ sơ đánh giá chậm so với thời hạn kết thúc Hợp đồng từ 6 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ban kiểm phiếu báo cáo Hội đồng kết quả kiểm phiếu theo Biểu D1-5- KPDGĐT-CS.

### 4. Hội đồng kết luận đánh giá kết quả Đề tài

Hội đồng thảo luận để thông qua từng nội dung kết luận đánh giá trong Biên bản làm việc của Hội đồng (Biểu D1-6-BBĐGĐT-CS).

**D1-1-ĐGMOI**

**BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ  
VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI  
CỦA ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC  
(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)**

**1. Tên Đề tài:**

- Mã số:

**2. Thuộc Chương trình (nếu có):**

**3. Chủ nhiệm Đề tài:**

**4. Cơ quan chủ trì Đề tài:**

**5. Thời gian thực hiện (BĐ-KT):**

**6. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài:**

Trong đó, kinh phí từ ngân sách nhà nước:

**7. Tình hình thực hiện Đề tài so với Hợp đồng**

**7.1. Về mức độ hoàn thành khối lượng công việc**

**7.2. Về các yêu cầu khoa học và chỉ tiêu cơ bản của các sản phẩm khoa học công nghệ**



### 7.3. Về tiến độ thực hiện

### 8. Về những đóng góp mới của Đề tài:

Trên cơ sở so sánh với những thông tin đã được công bố trên các ấn phẩm trong và ngoài nước đến thời điểm kết thúc Đề tài, Đề tài có những điểm mới sau đây:

#### 8.1. Về giải pháp khoa học - công nghệ

#### 8.2. Về phương pháp nghiên cứu

#### 8.3. Những đóng góp mới khác

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  
(Họ, tên và chữ ký)

**D1-2-BCNCT-NX**

**BẢN NHẬN XÉT  
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CỦA BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**

**(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKH-CN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)**

1. Tên Đề tài, mã số:
  
2. Tên Chương trình, mã số:
  
3. Chủ nhiệm Đề tài:
  
4. Cơ quan chủ trì Đề tài:
  
5. Thời gian thực hiện (BĐ-KT):
  
6. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài:

Trong đó, kinh phí từ ngân sách nhà nước:

7. Nhận xét về kết quả thực hiện Đề tài so với Hợp đồng
- 7.1. Về mức độ hoàn thành khối lượng công việc

7.2. Về các yêu cầu khoa học và chỉ tiêu cơ bản của các sản phẩm khoa học công nghệ của Đề tài



### 7.3. Về tình hình sử dụng kinh phí của Đề tài

### 7.4. Các nhận xét khác về quá trình thực hiện và về kết quả của Đề tài

**TM. BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH KC...**  
(*Họ tên và chữ ký*)

**D1-3-PNXĐT-CS**

**CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI:.....**  
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ**  
**KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC**

**PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ**  
**KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**  
(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

|                    |  |
|--------------------|--|
| Ủy viên phản biện: |  |
| Ủy viên:           |  |

**1. Tên Đề tài:**

• Mã số:

**2. Thuộc Chương trình (nếu có):**

**3. Chủ nhiệm Đề tài:**

**4. Cơ quan chủ trì Đề tài:**

**5. Chuyên gia đánh giá:**

Họ và tên chuyên gia:

Ngày chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: /.../200...

Ngày chuyên gia trả Hồ sơ đánh giá (đánh giá xong): /.../200...

**6. Nội dung đánh giá:**

6.1. Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản, các yêu cầu khoa học và chỉ tiêu cơ bản của kết quả nghiên cứu Đề tài theo yêu cầu của Hợp đồng

a) Mức độ hoàn thành theo các nội dung

Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của Đề tài

**Nhận xét:**



- Về phương pháp nghiên cứu

(Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,... )

**Nhận xét:**

- Về các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu hoặc các yêu cầu khoa học của kết quả nghiên cứu Đề tài

**Nhận xét:**

b) Tổng hợp chung về mức độ hoàn thành *khối lượng công việc cơ bản và các chỉ tiêu chủ yếu* so với Hợp đồng

(*để lại nội dung thích hợp*)

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

## 6.2. Về mức độ hoàn chỉnh của các báo cáo và tài liệu công nghệ

(Mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của tài liệu công nghệ, bản vẽ thiết kế, ... )

**Nhận xét:**

6.3. Không hoặc đã vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài

*(đánh dấu ✓ vào dòng tương ứng phù hợp):*

• Không vi phạm:

• Đã vi phạm:

b) Kết quả Khoa học Công nghệ không thể lặp lại được, không có giá trị khoa học hoặc không có giá trị sử dụng;

c) Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

d) Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của Đề tài (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

đ) Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung và thay đổi thiết kế, kế hoạch thực hiện;

e) Nộp Hồ sơ đánh giá chậm so với thời hạn Hợp đồng hoặc Văn bản giao nhiệm vụ từ 6 tháng trở lên mà không được sự chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**7. Đánh giá, nhận xét chung:**



8. Mức đánh giá (đánh dấu  $\checkmark$  vào ô tương ứng phù hợp):

Đạt

Không đạt

9. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của Đề tài  
(chỉ sử dụng cho những trường hợp được dự kiến đánh giá ở mức “Không đạt”)

10. Đóng góp của thành viên Hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết (bắt buộc phải ghi)

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

(Họ tên và chữ ký)

**D1-4-PĐGDĐT-CS**

**CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI:.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\_\_\_\_\_o0o\_\_\_\_\_

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ**

**KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA**

**HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CẤP NHÀ NƯỚC**

....., ngày.....tháng .....năm 200...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ  
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**

**(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)**

**1. Tên Đề tài:**

- Mã số:

**2. Thuộc Chương trình (nếu có):**

**3. Chủ nhiệm Đề tài:**

**4. Cơ quan chủ trì Đề tài:**

**5. Tên chuyên gia đánh giá:**

**6. Đánh giá kết quả nghiên cứu của Đề tài:**



**6.1. Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản, các yêu cầu khoa học và chỉ tiêu cơ bản của kết quả nghiên cứu Đề tài theo yêu cầu của Hợp đồng**

**a) Mức độ hoàn thành theo các nội dung:**

**• Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của Đề tài**

*(để lại nội dung thích hợp)*

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

**• Về phương pháp nghiên cứu**

Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...

*(để lại nội dung thích hợp)*

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

**• Về các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu hoặc các yêu cầu khoa học của kết quả nghiên cứu của Đề tài**

*(để lại nội dung thích hợp)*

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

**b) Tổng hợp chung về mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản và các chỉ tiêu chủ yếu so với Hợp đồng**

*(để lại nội dung thích hợp)*

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

**6.2. Về mức độ hoàn chỉnh của các báo cáo và tài liệu công nghệ**

Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của tài liệu công nghệ, bản vẽ thiết kế, ...

*(để lại nội dung thích hợp)*

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu

**6.3. Không hoặc đã vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài**

*(đánh dấu ✓ vào dòng tương ứng phù hợp):*

• Không vi phạm:

• Đã vi phạm một trong các trường hợp sau:

b) Kết quả Khoa học Công nghệ không thể lặp lại được, không có giá trị khoa học hoặc không có giá trị sử dụng;

c) Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

d) Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của đề tài (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

đ) Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung và thay đổi thiết kế, kế hoạch thực hiện;

e) Nộp Hồ sơ đánh giá chậm so với thời hạn Hợp đồng hoặc Văn bản giao nhiệm vụ từ 6 tháng trở lên mà không được sự chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**7. Đánh giá kết luận chung về kết quả nghiên cứu**

*(đánh dấu ✓ vào ô tương ứng phù hợp):*

Đạt

Không đạt

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

*(Họ tên và chữ ký)*



**D1-5-KPĐGĐT-CS**

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ  
 KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC  
 .....o0o.....  
 ....., ngày .....tháng.....năm 200.....

**KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ  
 KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ  
 CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**

(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**1. Tên Đề tài:**

- Mã số
- Thuộc Chương trình (nếu có)

**2. Kết quả bỏ phiếu chấm điểm**

- Số phiếu phát ra: .....
- Số phiếu thu về: .....
- Số phiếu hợp lệ: .....
- Kết quả đánh giá:

- Đánh giá ở mức **Đạt**: ...../.....<sup>(1)</sup>
- Đánh giá ở mức **Không đạt**: ...../.....

**3. Kết luận<sup>(2)</sup>**

**Đạt**

**Không đạt**

**CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU**  
 (Họ, tên và chữ ký)

**TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**  
 (Họ, tên và chữ ký)

<sup>(1)</sup> Ghi số phiếu đánh giá ở mức tương ứng trên tổng số phiếu hợp lệ

<sup>(2)</sup> Đề tài được đánh giá ở mức “Đạt” khi có ít nhất 2/3 số phiếu đánh giá “Đạt” trên tổng số thành viên Hội đồng có mặt.

**D1-6-BBĐGĐT-CS**

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ  
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC  
....., ngày.....tháng.....năm 200.....

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ  
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC  
(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)**

**A. Những thông tin chung**

**1. Tên Đề tài**

.....  
.....  
.....

**2. Quyết định thành lập Hội đồng**

...../QĐ ngày .../.../200... của .....

**3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng**

....., ngày .../.../2004

**4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: ...../.....**

Vắng mặt: ..... người, gồm các thành viên:

**5. Khách mời tham dự họp Hội đồng**

| Thứ tự | Đơn vị công tác  | Họ và tên |
|--------|--|-----------|
| 1      | Đại diện Bộ Chủ quản                                     |           |
| 2      | Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ                        |           |
| 3      | Đại diện Ban chủ nhiệm CT Khoa học và Công nghệ (nếu có) |           |
| 4      | ...  |           |



## ***B. Nội dung làm việc của Hội đồng***

1. Hội đồng đánh giá cơ sở đã nghe các ủy viên phản biện đọc Phiếu nhận xét đánh giá cơ sở kết quả Đề tài.

Thư ký Hội đồng đã đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

### **2. Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá**

Căn cứ Hồ sơ đánh giá cơ sở và các kết quả đã đạt được của Đề tài như đã nêu tại Điều 6 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài, đối chiếu với Hợp đồng của Đề tài, Hội đồng thảo luận, trao đổi, nhận xét đánh giá về từng nội dung đã được quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài; đặc biệt Hội đồng đã xem xét đánh giá kỹ lưỡng về việc có hay không vi phạm một trong các tiết a, b, c, d, đ hoặc e khoản 2 Điều 9 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài và bỏ phiếu đánh giá.

### **3. Kiểm phiếu và bỏ phiếu**

3.1. Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

Trưởng Ban: .....

Hai ủy viên:

.....

.....

3.2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá kết quả Đề tài theo mẫu quy định (D1-4-PĐGĐT-CS). Kết quả kiểm phiếu đánh giá kết quả Đề tài được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu (D1-5-KPĐGĐT-CS) gửi kèm theo.

### **4. Kết luận của Hội đồng**

4.1. Kết quả bỏ phiếu đánh giá (*để lại nội dung thích hợp*):

**Đạt**

**Không đạt**

4.2. Về mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản, các yêu cầu khoa học và chỉ tiêu cơ bản của kết quả nghiên cứu Đề tài theo yêu cầu của Hợp đồng

a) Mức độ hoàn thành theo các nội dung

Về tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của Đề tài

- Về phương pháp nghiên cứu

(Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,... )

- Về các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu hoặc các yêu cầu khoa học của kết quả nghiên cứu Đề tài

b) Tổng hợp chung về mức độ hoàn thành *khôi lượng công việc cơ bản và các chỉ tiêu chủ yếu* so với Hợp đồng

(*để lại nội dung thích hợp*)

- Đạt yêu cầu
- Không đạt yêu cầu



#### 4.3. Về mức độ hoàn chỉnh của các báo cáo và tài liệu công nghệ

(Mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của tài liệu công nghệ, bản vẽ thiết kế,...)

4.4. Không hoặc đã vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài

*(để lại nội dung tương ứng phù hợp):*

- Không vi phạm:
- Đã vi phạm:

b) Kết quả Khoa học Công nghệ không thể lặp lại được, không có giá trị khoa học hoặc không có giá trị sử dụng;

c) Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

d) Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của Đề tài (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

đ) Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung và thay đổi thiết kế, kế hoạch thực hiện;

e) Nộp Hồ sơ đánh giá chậm so với thời hạn Hợp đồng hoặc Văn bản giao nhiệm vụ từ 6 tháng trở lên mà không được sự chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**5. Đánh giá, nhận xét chung về kết quả nghiên cứu của Đề tài:**

**6.** Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của Đề tài  
(chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức “Không đạt”)

**7.** Đóng góp của Hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết (bắt buộc phải ghi)

Hội đồng đề nghị Cơ quan chủ trì Đề tài:

- Xem xét, ghi nhận, hoàn thiện Hồ sơ và đề nghị đánh giá kết quả Đề tài ở cấp Nhà nước;
- Kiến nghị khác (nếu có):

**THƯ KÝ GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG**  
(Họ, tên và chữ ký)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục-BBCS

**GHI CHÉP CHI TIẾT Ý KIẾN  
CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ**

**THƯ KÝ GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG**  
(Họ, tên và chữ ký)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
(Họ, tên và chữ ký)

## Phụ lục 2

# PHƯƠNG THỨC VÀ QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

### I. Gửi Hồ sơ đánh giá và các tài liệu liên quan

Việc đánh giá cấp Nhà nước phải được hoàn thành trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ đánh giá cấp Nhà nước hợp lệ.

Để đảm bảo thời hạn trên, việc thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có) phải được quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Hồ sơ đánh giá cấp Nhà nước hợp lệ; Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có), Hồ sơ đánh giá và Quy định về việc đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước được ban hành kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHHCN ngày 25/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (dưới đây gọi tắt là Quy định đánh giá kết quả Đề tài) phải được gửi đến thành viên Hội đồng và chuyên gia đánh giá trong thời hạn 5 ngày sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia.

### II. Nghiên cứu Hồ sơ đánh giá và các tài liệu liên quan

Các thành viên Hội đồng và chuyên gia đánh giá nghiên cứu Quy định đánh giá kết quả Đề tài, xem xét Hồ sơ đánh giá và Hợp đồng của Đề tài và chuẩn bị ý kiến cho phiên họp trù bị của Hội đồng (trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được Hồ sơ, tài liệu).

### III. Phiên họp của trù bị của Hội đồng

Phiên họp của trù bị được tổ chức trong thời hạn 10 ngày sau khi nhận được Hồ sơ đánh giá hợp lệ và Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có) với những nội dung sau:

1. Thư ký Hội đồng đọc Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu của Quy định đánh giá kết quả Đề tài, trong đó nêu chi tiết về nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá cấp Nhà nước.

3. Hội đồng họp dưới sự điều khiển của Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng trao đổi, thảo luận để thống nhất về:



- a) Phương thức làm việc của Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có);
- b) Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức để Tổ chuyên gia (nếu có) hoặc một số thành viên Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả Đề tài, nếu thấy cần thiết.
- c) Kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với Đề tài có các kết quả đo kiểm được, nếu thấy cần thiết, đồng thời đề xuất để Bộ Khoa học và Công nghệ mời Cơ quan đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện.
- d) Bố trí lịch làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có) và Hội đồng.

#### **IV. Công tác thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có Tổ chuyên gia)**

**1. Tổ chuyên gia lập Báo cáo thẩm định theo mẫu thống nhất (Biểu D2-4-BCTĐ) trên cơ sở thực hiện những nội dung công việc sau:**

a) Kiểm tra, thẩm định chi tiết Hồ sơ đánh giá cấp Nhà nước kết quả nghiên cứu của Đề tài: bản vẽ thiết kế, các tài liệu gốc, sổ nhật ký Đề tài, mẫu sản phẩm, báo cáo khoa học, báo cáo tóm tắt; báo cáo về tình hình thực hiện và tính mới của đề tài; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm khoa học công nghệ của Đề tài đã được các Cơ quan đo đạc có thẩm quyền chứng nhận; Bản nhận xét về kết quả thực hiện Đề tài của Ban Chủ nhiệm Chương trình Khoa học và Công nghệ (nếu có); Biên bản đánh giá của Hội đồng đánh giá cơ sở;

b) Kiểm tra, khảo sát tại hiện trường và tham khảo các thông số kỹ thuật của sản phẩm khoa học công nghệ do Cơ quan đo lường thử nghiệm kiểm tra, đo đạc lại (nếu có);

c) So sánh, đối chiếu với Hợp đồng của Đề tài.

**2. Báo cáo thẩm định gồm những nội dung chủ yếu sau:**

- a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản so với Hợp đồng;
- b) Mức độ hoàn thành và tính xác thực của các chỉ tiêu cơ bản của các sản phẩm của Đề tài so với yêu cầu đã ghi trong Hợp đồng;
- c) Mức độ hoàn chỉnh và độ tin cậy của tài liệu công nghệ của Đề tài.

#### **V. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng**

Các thành viên của Hội đồng tiến hành xem xét, nghiên cứu toàn bộ Hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan, trong đó có Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và viết Phiếu nhận xét đánh giá kết quả khoa học và công nghệ của Đề tài (Biểu D2-5-PNXĐT-NN).

#### **VI. Phiên họp đánh giá của Hội đồng**

**A.** Phiên họp đánh giá chỉ được tổ chức sau khi Hội đồng đã nhận được Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét Đề tài của từng thành viên Hội đồng, đặc biệt là của ủy viên phản biện.



## **B. Nội dung họp Hội đồng**

**B.1.** Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ nêu lý do họp Hội đồng, giới thiệu các đại biểu tham dự.

**B.2.** Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng:

**1.** Hội đồng nghe đọc Báo cáo thẩm định và Phiếu nhận xét đánh giá

- Thư ký Hội đồng đọc Báo cáo Thẩm định Đề tài của Tổ chuyên gia (nếu có);
- Các ủy viên phản biện của Hội đồng đọc Phiếu nhận xét đánh giá Đề tài (biểu D2-5-PNXĐT-NN);
- Thư ký Hội đồng đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

**2.** Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá

Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ Hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan, Hội đồng tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá Đề tài của các ủy viên phản biện, trao đổi thảo luận, nhận định, chấm điểm để xếp loại Đề tài theo 4 nhóm tiêu chuẩn với thang điểm 40 điểm được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài.

**3.** Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên Hội đồng (trong đó bầu một trưởng ban).

Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm Đề tài theo biểu D2-6-PĐGĐT-NN.

Mỗi thành viên Hội đồng đánh giá Đề tài bằng cách cho điểm theo thang điểm đã quy định được ghi trên phiếu.

Những phiếu hợp lệ là những phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng chỉ tiêu đánh giá. Mức đánh giá chung của Đề tài được tính bằng điểm trung bình của các thành viên Hội đồng.

Ban kiểm phiếu báo cáo Hội đồng kết quả kiểm phiếu theo Biểu D2-7-KPĐGĐT-NN.

**4.** Kết luận của Hội đồng

**4.1.** Đánh giá theo từng chỉ tiêu bằng điểm:

a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả nghiên cứu Đề tài theo yêu cầu của Hợp đồng

- Mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản
- Về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ...

+ Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...

+ Về mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tài liệu công nghệ,...

b) Giá trị khoa học của các kết quả khoa học công nghệ của Đề tài

- Về tính mới, tính sáng tạo của Đề tài;
- Về tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Đề tài và mức độ trích dẫn;
- Về những thành tựu nổi bật khác liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu Đề tài

c) Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả khoa học công nghệ

- Về các chỉ tiêu KT - KT chủ yếu của sản phẩm và về quy mô áp dụng;
- Tình hình được cấp Bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;
- Về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội

d) Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài

- Đánh giá về tổ chức và quản lý Đề tài;
- Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài.

4.2. Hội đồng xếp loại Đề tài vào một trong 2 mức sau:

- “Đạt”
- “Không đạt”.

a) Đề tài được đánh giá ở mức “Đạt” là những Đề tài đạt *tổng số điểm từ 20 điểm trở lên* và không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ hoặc e khoản 2 Điều 9 Quy định này. Mức “đạt” được chia ra các mức A, B, C tương ứng với số điểm từ cao xuống thấp.

b) Đề tài được đánh giá ở mức “Không đạt”:

- Có tổng số điểm *dưới 20 điểm*, hoặc:
- Vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ hoặc e khoản 2 Điều 9 Quy định này.

4.3. Đánh giá, nhận xét chung về kết quả nghiên cứu của Đề tài.

4.4. Trong trường hợp được kết quả Đề tài được đánh giá ở mức “Không đạt”, Hội đồng xem xét xác định những nội dung công việc đã thực hiện đúng Hợp đồng làm căn cứ để Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét công nhận số kinh phí được quyết toán của Đề tài.

4.5. Hội đồng đóng góp về những tồn tại của Đề tài và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết

Hội đồng thảo luận để thông qua từng nội dung kết luận của Hội đồng.

Biên bản làm việc của Hội đồng được xây dựng theo biểu D2-8-BBĐGĐT-NN.



D2-1-BNHS-NN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

oOo

....., ngày.....tháng..... năm 200.....

**GIẤY BIÊN NHẬN**  
**HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**  
(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

**1. Tên Đề tài:**

- Mã số:
- Thuộc Chương trình (nếu có):

**2. Chủ nhiệm Đề tài:**

**3. Cơ quan chủ trì:**

**4. Hồ sơ đánh giá kết quả Đề tài đã nộp gồm có:**

*4.1. Hồ sơ đánh giá cơ sở đã được hoàn thiện*

- a) Hợp đồng;
- b) Những tài liệu và sản phẩm khoa học công nghệ của Đề tài với số lượng và yêu cầu như đã nêu trong Hợp đồng;
- c) Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là thiết bị), các số liệu điều tra - khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của Đề tài;
- d) Bản tự đánh giá về tình hình thực hiện và về những đóng góp mới của Đề tài - về những nội dung khoa học công nghệ chưa được công bố trên các ấn phẩm trong và ngoài nước đến thời điểm kết thúc Đề tài (Biểu D1-1-ĐGMOI).
- đ) Các Biên bản kiểm tra định kỳ của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Ban chủ nhiệm Chương trình Khoa học và Công nghệ tương ứng;



e) Báo cáo về kết quả thử nghiệm hoặc ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ của Đề tài (thiết bị, công nghệ, quy trình công nghệ,...), ý kiến nhận xét của người sử dụng và/hoặc các tài liệu về đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm khoa học công nghệ của Đề tài của các Cơ quan đo lường thử nghiệm có thẩm quyền:

- PTN chuyên ngành .....
- Trung tâm Kỹ thuật .....
- Doanh nghiệp .....
- .....

f) Bản nhận xét về kết quả thực hiện Đề tài của Ban Chủ nhiệm Chương trình tương ứng đối với các Đề tài thuộc các Chương trình Khoa học và Công nghệ (Biểu D1-2-BCNCT-NX);

g) Báo cáo đề nghị quyết toán tài chính của Đề tài.

4.2. Quyết định thành lập và Biên bản đánh giá của Hội đồng đánh giá cơ sở;

4.3. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong Danh sách tác giả thực hiện Đề tài (Biểu D2-3-DSTG) - đối với các Đề tài được đánh giá ở mức “Đạt”.

Vụ Chuyên ngành Bộ Khoa học và Công nghệ: Vụ ..... đã nhận đầy đủ các tài liệu trên đây với số lượng 1 bộ gốc và 12 bộ là các bản sao - riêng đối với loại tài liệu là bản vẽ thiết kế, số liệu điều tra khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc số liệu gốc của Đề tài và Báo cáo tổng kết khoa học và kỹ thuật (Báo cáo tổng kết nghiệm thu) của Đề tài đã nộp 3 bản.

**ĐẠI DIỆN  
CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ**  
(Họ, tên và chữ ký)

**VỤ CHUYÊN NGÀNH  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
Vụ .....  
(Họ, tên, chữ ký)

LawSoft\*  
Tél: +84-8-3845 6684 \*  
www.ThuVienPhapLuat.com  
09673999

**D2-2-ĐONĐG**

VIỆN, TRƯỜNG:... (Cơ quan chủ trì Đề tài)... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

\_\_\_\_\_o0o\_\_\_\_\_

*V/v: Đề nghị đánh giá kết quả  
Đề tài Khoa học và Công nghệ  
ở cấp Nhà nước*

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ**  
**(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKH-CN ngày 25/5/2004**  
**của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)**

**1. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề tài của Bộ Khoa học và Công nghệ và căn cứ Hợp đồng số ....., thời hạn nghiên cứu Đề tài:**

Mã số:

Thuộc Chương trình (nếu có):

Chủ nhiệm Đề tài:

đã (hoặc sẽ kết thúc vào ... /.../200...

Ngày...../...../ 200... Chủ nhiệm Đề tài đã hoàn thành và nộp Hồ sơ đánh giá kết quả Đề tài.

**2. Cơ quan chúng tôi đã tổ chức đánh giá cơ sở kết quả Đề tài theo Quy định về việc đánh giá nghiệm thu Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Nhà nước được ban hành kèm theo Quyết định số ...../2004/QĐ-BKH-CN ngày ...../...../2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ với mức đánh giá: **Đạt (hoặc Không đạt)**;**

**3. Bộ Hồ sơ đánh giá Đề tài gửi kèm theo Công văn này gồm có:**

(Bộ Hồ sơ gồm 1 bản gốc và 12 bộ là các bản sao)

3.1. Hồ sơ đánh giá cơ sở đã được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cơ sở

a) Hợp đồng;

b) Những tài liệu và sản phẩm khoa học công nghệ của Đề tài với số lượng và yêu cầu như đã nêu trong Hợp đồng;

c) Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là thiết bị), các số liệu điều tra - khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của Đề tài;



d) Bản tự đánh giá về tình hình thực hiện và về những đóng góp mới của Đề tài - về những nội dung khoa học công nghệ chưa được công bố trên các ấn phẩm trong và ngoài nước đến thời điểm kết thúc Đề tài (Biểu D1-1-ĐGMOI).

đ) Các Biên bản kiểm tra định kỳ của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Ban chủ nhiệm Chương trình Khoa học và Công nghệ tương ứng;

e) Báo cáo về kết quả thử nghiệm hoặc ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ của Đề tài (thiết bị, công nghệ, quy trình công nghệ,...), ý kiến nhận xét của người sử dụng và/hoặc các tài liệu về đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm khoa học công nghệ của Đề tài của các Cơ quan đo lường thử nghiệm có thẩm quyền:

- PTN chuyên ngành.....
- Trung tâm Kỹ thuật.....
- Doanh nghiệp .....

f) Bản nhận xét về kết quả thực hiện Đề tài của Ban Chủ nhiệm Chương trình tương ứng đối với các Đề tài thuộc các Chương trình Khoa học và Công nghệ (Biểu D1-2-BCNCT-NX);

g) Báo cáo đề nghị quyết toán tài chính của Đề tài.

3.2. Quyết định thành lập và Biên bản đánh giá của Hội đồng đánh giá cơ sở.

3.3. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong Danh sách tác giả thực hiện Đề tài (Biểu D2-3-DSTG) - đối với các Đề tài được đánh giá ở mức "Đạt".

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong những văn bản và tài liệu trong Hồ sơ đánh giá này là đúng sự thật.

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và tổ chức đánh giá cấp Nhà nước kết quả nghiên cứu Đề tài nêu trên.

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  
(Họ, tên và chữ ký)

**THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**TM. BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH K...**

Xác nhận đã xem Hồ sơ,  
đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá cấp Nhà nước

(Họ, tên và chữ ký)

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



D2-3-DSTG

**DANH SÁCH TÁC GIẢ**  
**CỦA ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**  
(Danh sách những cá nhân đã đóng góp sáng tạo chủ yếu cho Đề tài  
được sắp xếp theo thứ tự đã thỏa thuận)  
(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

1. Tên Đề tài:

- Mã số:

2. Thuộc Chương trình (nếu có):

3. Thời gian thực hiện:

4. Cơ quan chủ trì:

5. Bộ chủ quản:

6. Danh sách tác giả:

| <i>Thứ tự</i> | <i>Học hàm, học vị, họ và tên</i> | <i>Chữ ký</i> |
|---------------|-----------------------------------|---------------|
| 1             |                                   |               |
| 2             |                                   |               |
| 3             |                                   |               |
| 4             |                                   |               |
| 5             |                                   |               |
| 6             |                                   |               |
| 7             |                                   |               |
| 8             |                                   |               |
| 9             |                                   |               |
| 10            |                                   |               |

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**D2-4-BCTĐ**

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG  
NGHỆ TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ KẾT  
QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\_\_\_\_\_o0o\_\_\_\_\_

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**TỔ CHUYÊN GIA**

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**

*(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).*

**1. Tên Đề tài:**

- Mã số:
- Thuộc Chương trình (nếu có):

**2. Chủ nhiệm Đề tài:****3. Cơ quan chủ trì:****4. Thời gian thực hiện (BĐ-KT):****5. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài:**

Trong đó, kinh phí từ ngân sách nhà nước:

**6. Những nội dung công việc Tổ chuyên gia đã thực hiện:**

a) Kiểm tra, thẩm định chi tiết Hồ sơ đánh giá cấp Nhà nước kết quả nghiên cứu của Đề tài: bản vẽ thiết kế, các tài liệu gốc, sổ nhật ký Đề tài, mẫu sản phẩm, báo cáo khoa học, báo cáo tóm tắt; báo cáo về tình hình thực hiện và tính mới của đề tài; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm khoa học công nghệ của Đề tài đã được các Cơ quan đo đạc có thẩm quyền chứng nhận; Bản nhận xét về kết quả thực hiện Đề tài của Ban Chủ nhiệm Chương trình Khoa học và Công nghệ (nếu có); Biên bản đánh giá của Hội đồng đánh giá cơ sở;

b) Kiểm tra, khảo sát tại hiện trường và tham khảo các thông số kỹ thuật của sản phẩm khoa học công nghệ do Cơ quan đo lường thử nghiệm kiểm tra, đo đạc lại (nếu có):

- Địa điểm:
- Thời gian:
- Các thiết bị, dây chuyền công nghệ, sản phẩm,... đã xem xét:
- 
- 

Sau khi so sánh, đối chiếu với Hợp đồng của Đề tài, Tổ chuyên gia nhận xét như sau:

6.1. Về mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản của Đề tài so với Hợp đồng

a) Tình hình thực hiện

| <i>Thứ tự</i> | <i>Tên sản phẩm</i> | <i>Khối lượng theo Hợp đồng</i> | <i>Khối lượng đã thực hiện</i> | <i>Nhận xét</i> |
|---------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------|
| 1             |                     |                                 |                                |                 |
| 2             |                     |                                 |                                |                 |
| 3             |                     |                                 |                                |                 |
| ...           |                     |                                 |                                |                 |

b) Nhận xét chung về mức độ hoàn thành khối lượng

(để lại những nội dung thích hợp):

- Đã hoàn thành đầy đủ (hoặc hầu hết) về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của toàn bộ các sản phẩm (hoặc các sản phẩm chính) so với Hợp đồng
- Chưa hoàn thành về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm (hoặc các sản phẩm chính) so với Hợp đồng

6.2. Mức độ hoàn thành và tính xác thực của các chỉ tiêu cơ bản của các sản phẩm Đề tài so với Hợp đồng

a) Tình hình thực hiện

- Nhận xét về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...
- Nhận xét về các chỉ tiêu cơ bản của sản phẩm



| <i>Thứ tự</i> | <i>Tên sản phẩm</i> | <i>Chỉ tiêu hoặc yêu cầu chất lượng theo Hợp đồng</i> | <i>Chỉ tiêu hoặc yêu cầu chất lượng đã thực hiện</i> | <i>Nhận xét</i> |
|---------------|---------------------|---|--|-----------------|
| 1             |                     |   |  |                 |
| 2             |                     |   |  |                 |
| ...           |                     |   |  |                 |

b) Nhận xét chung về mức độ hoàn thành và tính xác thực của các chỉ tiêu cơ bản

6.3. Nhận xét, đánh giá về mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế; mức độ hoàn chỉnh và độ tin cậy của tài liệu công nghệ,...

**CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA**  
(Họ, tên và chữ ký từng thành viên)

**TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA**  
(Họ, tên và chữ ký)

D2-5-PNXĐT-NN

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA**  
**HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**

**PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ**  
**KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**

*(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).*

|                    |  |
|--------------------|--|
| Ủy viên phản biện: |  |
| Ủy viên:           |  |

1. Tên Đề tài:

- Mã số:

2. Thuộc Chương trình (nếu có):

3. Chủ nhiệm Đề tài:

4. Cơ quan chủ trì Đề tài:

5. Chuyên gia đánh giá:

- a) Họ và tên chuyên gia .....
- b) Ngày chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: ..... /...../200....
- c) Ngày chuyên gia trả Hồ sơ đánh giá (đánh giá xong):..... /...../200....

6. Các chỉ tiêu đánh giá:

6.1. Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản kết quả nghiên cứu của Đề tài so với Hợp đồng (**được đánh giá tối đa 16 điểm**):

| Thứ tự | Chỉ tiêu đánh giá   | Điểm tối đa |
|--------|---|-------------|
| 1      | 2   | 3           |
| 1      | Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của Đề tài<br><b>Nhận xét:</b> | <u>8</u>    |

| 1 | 2   | 3                                 |
|---|---|-----------------------------------|
|   | <p>Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của Đề tài</p> <p><b>Nhận xét (tiếp theo):</b></p>  |                                   |
| 2 | <p>Về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...</li> <li>• Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ,...</li> </ul> <p><b>Nhận xét:</b></p> | <p><u>8</u></p> <p>4</p> <p>4</p> |

09673699



6.2. Giá trị khoa học của các kết quả nghiên cứu của Đề tài (*được đánh giá tối đa 8 điểm*):

| 1 | 2  | 3                      |
|---|--|------------------------|
| 3 | Về tính sáng tạo, tính mới của kết quả nghiên cứu của Đề tài<br><i>Nhận xét:</i>   | <u>4</u>               |
| 4 | Tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Đề tài (bài báo, ấn phẩm,...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn<br><ul style="list-style-type: none"><li>• Về tài liệu công bố</li><li>• Về mức độ trích dẫn</li></ul> <i>Nhận xét:</i> | <u>2</u><br><br>1<br>1 |

09673699

| 1 | 2  | 3                                 |
|---|--|-----------------------------------|
| 5 | <p>Có những thành tựu nổi bật khác <i>liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của Đề tài</i>, thể hiện bằng những đóng góp cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vị thế của nhà khoa học (những cá nhân tham gia đề tài) trong giới khoa học quốc tế, những công việc tư vấn được mời tham gia;</li> <li>• Có giá trị khoa học xuất sắc trong nước và so sánh được với những kết quả nghiên cứu tương tự trình độ quốc tế: đóng góp vào các thành tựu khoa học nổi bật trình độ quốc tế, đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế, vào việc trao đổi khoa học quốc tế...</li> </ul> <p><b>Nhận xét:</b></p> | <p><u>2</u></p> <p>1</p> <p>1</p> |

09673699

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

6.3. Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả khoa học công nghệ (**được đánh giá tối đa 12 điểm**):

| 1 | 2  | 3               |
|---|--|-----------------|
| 6 | <p>Chỉ tiêu KT-KT chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); Quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng</p> <p><b>Nhận xét:</b></p> | <p><u>6</u></p> |

| 1 | 2  | 3        |
|---|--|----------|
| 7 | <p>Đã được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích</p> <p><b>Nhận xét:</b></p>  | <u>4</u> |
| 8 | <p>Về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội</p> <p>(Sản phẩm khoa học công nghệ đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn (doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Đề tài hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Đề tài tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận); Cơ sở dữ liệu hoặc cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch, mô hình, ... đã được sử dụng trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp có ý nghĩa thực tiễn cao,...)</p> <p><b>Nhận xét:</b></p> | <u>2</u> |



6.4. Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài (*được đánh giá tối đa 4 điểm*):

| 1           | 2   | 3                |
|-------------|---|------------------|
| 9           | Đánh giá về tổ chức và quản lý của Đề tài<br><i>Nhận xét:</i>                     | <u>2</u>         |
| 10          | Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài<br><i>Nhận xét:</i> | <u>2</u>         |
| <b>Cộng</b> |   | <b><u>40</u></b> |

**7. Đánh giá, nhận xét chung về các kết quả nghiên cứu của Đề tài:**

**8. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của Đề tài:**

*(chỉ sử dụng cho những trường hợp được dự kiến đánh giá ở mức “Không đạt”)*

**9. Đóng góp của thành viên Hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết (bắt buộc phải ghi)**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**  
*(Họ tên và chữ ký)*

**D2-6-PĐGDĐT-NN****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\_\_\_\_\_o0o\_\_\_\_\_

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG  
NGHỆ TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ KẾT  
QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**

....., ngày ..... tháng ..... năm 200...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC***(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)***1. Tên Đề tài:**

- Mã số:

**2. Thuộc Chương trình (nếu có):****3. Chủ nhiệm Đề tài:****4. Cơ quan chủ trì Đề tài:****5. Tên chuyên gia đánh giá:****6. Bảng chấm điểm các chỉ tiêu đánh giá:**



6.1. Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản kết quả nghiên cứu của Đề tài so với Hợp đồng (**được đánh giá tối đa 16 điểm**):

| <b>Thứ tự</b> | <b>Chỉ tiêu đánh giá</b>  | <b>Điểm tối đa</b> | <b>Điểm đánh giá của Chuyên gia</b> |
|---------------|---|--------------------|-------------------------------------|
| <b>1</b>      | <b>2</b>  | <b>3</b>           | <b>4</b>                            |
| 1             | Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của Đề tài   | <u>8</u>           |                                     |
| 2             | Về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ<br>+ Về phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng: tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...<br>+ Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ,... | <u>8</u><br>4<br>4 |                                     |

6.2. Giá trị khoa học của các kết quả khoa học công nghệ của Đề tài (**được đánh giá tối đa 8 điểm**):

| <b>1</b> | <b>2</b>   | <b>3</b>           | <b>4</b> |
|----------|--|--------------------|----------|
| 3        | Về tính mới, tính sáng tạo của Đề tài  | <u>4</u>           |          |
| 4        | Về tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Đề tài (bài báo, ấn phẩm,...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn<br>+ Về tài liệu công bố<br>+ Về mức độ trích dẫn  | <u>2</u><br>1<br>1 |          |
| 5        | Có những thành tựu nổi bật khác <i>liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của Đề tài</i> , thể hiện bằng những đóng góp cụ thể:<br>+ Vị thế của nhà khoa học (những cá nhân tham gia Đề tài) trong giới khoa học quốc tế, những công việc tư vấn được mời tham gia:<br>+ Có giá trị khoa học xuất sắc trong nước và so sánh được với những kết quả nghiên cứu tương tự trình độ quốc tế: đóng góp vào các thành tựu khoa học nổi bật trình độ quốc tế, đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế, vào việc trao đổi khoa học quốc tế,... | <u>2</u><br>1<br>1 |          |

6.3. Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả khoa học công nghệ (**được đánh giá tối đa 12 điểm**):

| 1 | 2   | 3        | 4 |
|---|---|----------|---|
| 6 | Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng;   | <u>6</u> |   |
| 7 | Đã được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích  | <u>4</u> |   |
| 8 | Đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội (Sản phẩm khoa học công nghệ đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn (doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Đề tài hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Đề tài tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận): Cơ sở dữ liệu hoặc cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch, mô hình... đã được sử dụng trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp có ý nghĩa thực tiễn cao,...) | <u>2</u> |   |

6.4. Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài (**được đánh giá tối đa 4 điểm**):

|                     |   |                  |  |
|---------------------|---|------------------|--|
| 9                   | Đánh giá về tổ chức và quản lý của Đề tài                     | <u>2</u>         |  |
| 10                  | Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài | <u>2</u>         |  |
| <b>Tổng số điểm</b> |   | <b><u>40</u></b> |  |

7. Kết luận của chuyên gia về việc xếp loại Đề tài

(*đánh dấu ✓ vào ô tương ứng phù hợp*):

1. **Đạt:** Không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài và phải **Đạt 20 điểm trở lên**, được chia các mức như sau:

• **Mức A:**

**Từ 35 - 40 điểm**, trong đó: đạt điểm tối đa về giá trị khoa học - 8/8 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 2 và đạt điểm tối đa về giá trị ứng dụng - 12/12 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 3.

• **Mức B: Từ 27 đến dưới 35 điểm.**

• **Mức C: Từ 20 đến dưới 27 điểm.**

2. **Không Đạt: Dưới 20 điểm** hoặc vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

(*Họ, tên và chữ ký*)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\_\_\_\_\_o0o\_\_\_\_\_

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

## KIỂM PHIẾU CHẤM ĐIỂM

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC

(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Tên Đề tài:

.....

| Họ và tên       | Họ và tên thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Điểm trung bình của các thành viên hội đồng |  |
|-----------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|---|--|
|                 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   |  |
| Tổng số điểm    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   |  |
| Điểm giá trị KH |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   |  |
| Điểm giá trị UD |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   |  |

Xếp loại Đề tài (đánh dấu  $\checkmark$  vào ô tương ứng phù hợp):Đạt: Mức A: Mức B: Mức C: Không đạt: Mức D: Các thành viên Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký của từng thành viên)Trưởng Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký)



**D2-8-BBĐGĐT-NN****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG**

\_\_\_\_\_o0o\_\_\_\_\_

**NGHỆ TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ KẾT**

....., ngày.....tháng ..... năm 200...

**QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ****CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC****BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ****KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC***(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004**của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).***A. Những thông tin chung****1. Tên Đề tài**

.....

.....

.....

**2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có)**

...../QĐ-BKHCN ngày .../.../200... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

**3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng**

....., ngày .../.../200...

**4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá chấm điểm): ...../.....**

Vắng mặt: ..... người, gồm các thành viên:

.....

.....

**5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá)**

| Thứ tự | Họ và tên | Đơn vị công tác |
|--------|-----------|-----------------|
| 1      |           |                 |
| 2      |           |                 |
|        |           |                 |

09173699

## **B. Nội dung làm việc của Hội đồng**

### **B.1/ Phiên họp trừ bị (để lại những nội dung thích hợp)**

1. Hội đồng đã trao đổi để thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng.
2. Đã kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức để Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả Đề tài.
3. Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với Đề tài có các kết quả đo kiểm được, đồng thời đề xuất để Bộ Khoa học và Công nghệ mời Cơ quan đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:

a) Các thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại:

b) Các Cơ quan đo lường thử nghiệm thực hiện:

4. Hội đồng đã thống nhất lịch làm việc của Tổ chuyên gia (trong trường hợp có Tổ chuyên gia) và Hội đồng.

### **B.2/ Phiên họp đánh giá, chấm điểm**

1. Hội đồng đã nghe đọc Báo cáo thẩm định và Phiếu nhận xét đánh giá
  - Thư ký Hội đồng đọc Báo cáo Thẩm định Đề tài của Tổ chuyên gia (nếu có);
  - Các ủy viên phản biện của Hội đồng đã đọc Phiếu nhận xét đánh giá kết quả Đề tài (biểu D2-5-PNXĐT-NN);
  - Thư ký Hội đồng đã đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện và các chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

## 2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận

Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ Hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan như đã nêu tại Điều 10 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài, kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có), Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá Đề tài của các ủy viên phản biện, trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả nghiên cứu của Đề tài theo từng tiêu chuẩn với thang điểm 40 điểm được quy định tại khoản 2 Điều 15 của Quy định đánh giá kết quả Đề tài.

## 3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

3.1. Trưởng Ban:.....

3.2. Hai ủy viên:

.....  
 .....

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá (biểu D2-6-PĐGĐT-NN). Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biểu D2-7- KPĐGĐT-NN gửi kèm theo.

## 4. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng (*để lại những nội dung thích hợp*)

4.1. Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả nghiên cứu Đề tài theo yêu cầu của Hợp đồng

a) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản

(Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm đã hoàn thành so với Hợp đồng)



b) Về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ

- Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...

- Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ,...

091.33699

4.2. Giá trị khoa học của các kết quả khoa học công nghệ của Đề tài

- c) Về tính mới, tính sáng tạo của Đề tài;

d) Về tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Đề tài (bài báo, ấn phẩm,...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn;.....

đ) Có những thành tựu nổi bật khác *liên quan trực tiếp đến Đề tài*, thể hiện bằng những đóng góp cụ thể:

- Vị trí của nhà khoa học (những cá nhân tham gia đề tài) trong mạng lưới khoa học quốc tế, những công việc tư vấn được mời tham gia;

- Có giá trị khoa học xuất sắc trong nước và so sánh được với những kết quả nghiên cứu tương tự trình độ quốc tế: *đóng góp vào các thành tựu khoa học nổi bật trình độ quốc tế, đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế, vào việc trao đổi khoa học quốc tế...*

4.3. Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả khoa học công nghệ

e) Về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu (*tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác - có địa chỉ trích dẫn cụ thể quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế và triển vọng áp dụng*)

f) Tình trạng được cấp Bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;



g) Đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội:

(Sản phẩm đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn (doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Đề tài hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Đề tài tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận); các cơ sở dữ liệu, cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch, mô hình,... đã được sử dụng trong việc hoạch định các kế hoạch, quy hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội các cấp có ý nghĩa thực tiễn cao,...)

09673699

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

4.4. Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài

h) Đánh giá về tổ chức và quản lý Đề tài;

i) Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài.

4.5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại Đề tài ở mức sau (để lại nội dung thích hợp):

a) Đạt: Không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài và phải **Đạt 20 điểm trở lên**, được chia các mức như sau:

• **Mức A:**

**Từ 35 - 40 điểm**, trong đó: đạt điểm tối đa về giá trị khoa học - 8/8 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 2 và đạt điểm tối đa về giá trị ứng dụng - 12/12 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 3.

• **Mức B: Từ 27 đến dưới 35 điểm.**

• **Mức C: Từ 20 đến dưới 27 điểm.**

b) **Không Đạt: Dưới 20 điểm** hoặc vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài.

4.6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của Đề tài (chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức “Không đạt”):

09673699

Hội đồng đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ (*để lại những nội dung thích hợp*):

- a) Xem xét, ghi nhận kết quả đánh giá kết quả nghiên cứu của Đề tài;
- b) Kiến nghị khác (khen thưởng, đề nghị tiếp tục đầu tư, về việc sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống,...) - nếu có:

**THƯ KÝ GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*(Họ, tên và chữ ký)*



Phụ lục

**GHI CHÉP CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG CẤP NHÀ NƯỚC**

09673699

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**THƯ KÝ GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG**  
*(Họ, tên và chữ ký)*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
*(Họ, tên và chữ ký)*

## Phụ lục 3

## QUY TRÌNH TỔNG THỂ CÁC BƯỚC CÔNG VIỆC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC

(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

### I. Đánh giá cấp cơ sở

| Thứ tự | Nội dung các bước công việc   | Thời hạn  | Đơn vị, cá nhân thực hiện  |
|--------|---|---|--|
| 1      | Nộp Hồ sơ đánh giá cơ sở  | Chậm nhất là đến thời hạn kết thúc Hợp đồng                                 | Chủ nhiệm Đề tài   |
| 2      | Kiểm tra tính đầy đủ của Hồ sơ đánh giá cơ sở, yêu cầu và tạo điều kiện để chủ nhiệm Đề tài hoàn chỉnh Hồ sơ đánh giá | Trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kết thúc Hợp đồng                          | Cơ quan chủ trì Đề tài   |
| 3      | Thành lập Hội đồng đánh giá cơ sở   |   | Các thành viên Hội đồng cơ sở  |
| 4      | Các thành viên Hội đồng nghiên cứu, xem xét Hồ sơ Đề tài, Quy định đánh giá Đề tài, ... viết Phiếu nhận xét           |   |  |
| 5      | Hội đồng cơ sở làm việc, đánh giá   |   | Hội đồng cơ sở   |
| 6      | Hoàn thiện Hồ sơ đánh giá theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cơ sở và đề nghị đánh giá lại với trường hợp có thể      | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả làm việc của Hội đồng cơ sở    | Chủ nhiệm Đề tài   |
| 7      | Nộp Hồ sơ đánh giá đến Bộ Khoa học và Công nghệ   |   | Chủ nhiệm Đề tài và cơ quan chủ trì  |
| 8      | Thông báo về trường hợp Đề tài được đánh giá lại  | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ Đề tài và văn bản đề nghị | Bộ Khoa học và Công nghệ (tham khảo ý kiến BCN CT - Đối với các ĐT thuộc CT) |
| 9      | Nghiên cứu hoàn chỉnh sản phẩm khoa học công nghệ và Hồ sơ của những Đề tài được đánh giá lại                         | Tối đa 6 tháng kể từ ngày thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ            | Chủ nhiệm Đề tài và Cơ quan chủ trì  |
| 10     | Nộp Hồ sơ và tổ chức đánh giá lại cho những trường hợp được đánh giá lại  | Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận Hồ sơ đánh giá lại cơ sở hợp lệ       | Chủ nhiệm Đề tài và Cơ quan chủ trì, Hội đồng cơ sở                          |

09673699

**II. Đánh giá cấp Nhà nước**

| <i>Thứ tự</i> | <i>Nội dung các bước công việc</i>  | <i>Thời hạn</i>  | <i>Đơn vị, cá nhân thực hiện</i>           |
|---------------|---|--|--|
| 1             | Nhận và kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của Hồ sơ đánh giá cấp Nhà nước                        |  | Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Chuyên ngành) |
| 2             | Thành lập Hội đồng đánh giá cấp Nhà nước và Tổ chuyên gia (nếu có)                            | Trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận được Hồ sơ đánh giá hợp lệ               | Bộ Khoa học và Công nghệ                   |
| 3             | Gửi Quyết định và Hồ sơ đến các thành viên Hội đồng và Tổ chuyên gia                          | Trong thời hạn 5 ngày sau khi có Quyết định Hội đồng và Tổ chuyên gia        | Bộ Khoa học và Công nghệ                   |
| 4             | Phiên họp trừ bị của Hội đồng cấp Nhà nước  | Trong thời hạn 10 ngày từ khi nhận Quyết định và Hồ sơ                       | Hội đồng cấp Nhà nước                      |
| 5             | Tổ chuyên gia nghiên cứu, thẩm định Hồ sơ, khảo sát hiện trường và lập Báo cáo thẩm định      |  | Tổ chuyên gia                              |
| 6             | Các Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng nghiên cứu Hồ sơ và viết nhận xét đánh giá   | Trong thời hạn 30 ngày kể từ phiên họp trừ bị                                | Các thành viên Hội đồng                    |
| 7             | Hội đồng họp đánh giá xây dựng Biên bản, kết luận đánh giá                                    |  | Hội đồng cấp Nhà nước                      |
| 8             | Hoàn thiện Hồ sơ đánh giá theo yêu cầu của Hội đồng   | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả làm việc của Hội đồng           | Chủ nhiệm Đề tài                           |
| 9             | Nộp Hồ sơ đánh giá đến Bộ Khoa học và Công nghệ   |  | Chủ nhiệm Đề tài và Cơ quan chủ trì        |
| 10            | Nghiên cứu hoàn chỉnh sản phẩm khoa học công nghệ và Hồ sơ của những Đề tài được đánh giá lại | Tối đa 6 tháng kể từ ngày có kết luận của Hội đồng                           | Chủ nhiệm Đề tài và Cơ quan chủ trì        |
| 11            | Nộp Hồ sơ và tổ chức đánh giá lại cho những trường hợp được đánh giá lại                      | Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận Hồ sơ đánh giá lại cấp Nhà nước hợp lệ | Bộ Khoa học và Công nghệ                   |

09673699



### III. Xử lý và ghi nhận kết quả đánh giá

| <i>Thứ tự</i> | <i>Nội dung các bước công việc</i>  | <i>Thời hạn</i>  | <i>Đơn vị, cá nhân thực hiện</i>  |
|---------------|---|--|---|
| 1             | Xem xét và ghi nhận kết quả đánh giá  | Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi có kết luận của Hội đồng cấp Nhà nước | Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Chuyên ngành, Vụ Kế hoạch - Tài chính)   |
| 2             | Thẩm định kinh phí được quyết toán của các Đề tài được đánh giá ở mức "Không đạt" | Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi có Quyết định công nhận               | - Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Chuyên ngành, Vụ Kế hoạch - Tài chính) đại diện Hội đồng đánh giá tương ứng, Ban chủ nhiệm Chương trình (nếu có)<br>- Bộ Tài chính |

### IV. Các công việc được thực hiện sau đánh giá kết quả Đề tài

| <i>Thứ tự</i> | <i>Nội dung các bước công việc</i>   | <i>Thời hạn</i>   | <i>Đơn vị, cá nhân thực hiện</i>  |
|---------------|--|---|---|
| 1             | Nộp kết quả nghiên cứu cho Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia  | Sau khi có kết luận của Hội đồng cấp Nhà nước   | Chủ nhiệm Đề tài và Cơ quan chủ trì   |
| 2             | Kiểm kê và bàn giao sản phẩm khoa học công nghệ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện Đề tài theo các quy định hiện hành | Theo quy định hiện hành   | Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban chủ nhiệm Chương trình (nếu có), Bộ Chủ quản, Chủ nhiệm Đề tài và Cơ quan chủ trì |
| 3             | Quyết toán và thanh lý Hợp đồng  | Ngay sau khi nộp kết quả và bàn giao sản phẩm khoa học và công nghệ, tài sản như nêu trên | Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban chủ nhiệm Chương trình (nếu có), Bộ Chủ quản, Chủ nhiệm Đề tài và Cơ quan chủ trì |

Phụ lục 4

**TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP NHÀ NƯỚC  
(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)**

Kết quả của Dự án sản xuất thử nghiệm được đánh giá theo 4 nhóm tiêu chuẩn với thang điểm 40 điểm như sau:

**A. Tiêu chuẩn đánh giá**

**1. Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm theo yêu cầu của Hợp đồng (được đánh giá tối đa 16 điểm):**

a) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản

- Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm đã hoàn thành so với Hợp đồng.

b) Về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ

- Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát,...

- Về mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tài liệu công nghệ,...

**2. Giá trị khoa học của các kết quả Khoa học Công nghệ của Dự án sản xuất thử nghiệm (được đánh giá tối đa 4 điểm):**

c) Về tính mới, tính sáng tạo của kết quả nghiên cứu đã tạo ra;

d) Về tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Đề tài (bài báo, ấn phẩm,...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn;.....

đ) Về những thành tựu nổi bật khác **liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của Dự án sản xuất thử nghiệm**, thể hiện bằng những đóng góp cụ thể:

- Vị thế của nhà khoa học (những cá nhân tham gia Dự án sản xuất thử nghiệm) trong giới khoa học quốc tế, những công việc tư vấn được mời tham gia; đóng góp vào các thành tựu khoa học trình độ quốc tế,...

**3. Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả Khoa học và Công nghệ (được đánh giá tối đa 12 điểm):**

e) Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương



hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế và triển vọng áp dụng;

f) Tình hình được cấp Bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

g) Về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội

(Sản phẩm đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn: doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Dự án sản xuất thử nghiệm tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận,...)

**4. Đánh giá về tổ chức và quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Dự án sản xuất thử nghiệm (được đánh giá tối đa 8 điểm):**

h) Đánh giá về việc huy động nguồn vốn khác cho việc thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm;

i) Về tổ chức và quản lý Đề tài;

k) Về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài.

## **B. Kết luận đánh giá**

Dự án sản xuất thử nghiệm được xếp loại vào một trong 2 mức sau: “Đạt” hoặc “Không đạt”.

**1. Dự án sản xuất thử nghiệm được đánh giá ở mức “Đạt”** là những Đề tài đạt tổng số điểm từ 20 điểm trở lên và không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ hoặc e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài (áp dụng cho Dự án sản xuất thử nghiệm). Mức “đạt” được chia ra các mức A, B, C tương ứng với số điểm từ cao xuống thấp.

**2. Dự án sản xuất thử nghiệm được đánh giá ở mức “Không đạt”:**

a) Có tổng số điểm dưới 20 điểm, hoặc:

b) Vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài (áp dụng cho Dự án sản xuất thử nghiệm).

Phiếu nhận xét đánh giá kết quả Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước và Phiếu đánh giá kết quả Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước được xây dựng và thực hiện theo mẫu thống nhất (D2-5-PNXDA-NN và D2-6-PDGDA-NN) kèm theo.



**D2-5-PNXDA-NN**

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN  
XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP NHÀ NƯỚC**

**PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP NHÀ NƯỚC**

(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

|                           |  |
|---------------------------|--|
| <b>Ủy viên phản biện:</b> |  |
| <b>Ủy viên:</b>           |  |

1. Tên Dự án sản xuất thử nghiệm:

- Mã số:

2. Thuộc Chương trình (nếu có):

3. Chủ nhiệm Dự án sản xuất thử nghiệm:

4. Cơ quan chủ trì Dự án sản xuất thử nghiệm:

5. Chuyên gia đánh giá:

a) Họ và tên chuyên gia

b) Ngày chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: /.../200...

c) Ngày chuyên gia trả Hồ sơ đánh giá (đánh giá xong): /.../200...

6. Các chỉ tiêu đánh giá:

6.1. Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm theo yêu cầu của Hợp đồng (**được đánh giá tối đa 16 điểm**):

| <b>Thứ tự</b> | <b>Chỉ tiêu đánh giá</b>   | <b>Điểm tối đa</b> |
|---------------|--|--------------------|
| <b>1</b>      | <b>2</b>   | <b>3</b>           |
| 1             | Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của Dự án sản xuất thử nghiệm<br><b>Nhận xét:</b> | <u>8</u>           |

| 1 | 2  | 3                                 |
|---|--|-----------------------------------|
|   | <p>Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của Dự án sản xuất thử nghiệm</p> <p><b>Nhận xét (tiếp theo):</b></p>  |                                   |
| 2 | <p>Về phương pháp triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Về phương pháp triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm, phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm, phương án tài chính, phương án tiêu thụ sản phẩm...</li> <li>• Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ,...</li> </ul> <p><b>Nhận xét:</b></p> | <p><u>8</u></p> <p>4</p> <p>4</p> |

6.2. Giá trị khoa học của các kết quả Khoa học công nghệ của Dự án sản xuất thử nghiệm (*được đánh giá tối đa 4 điểm*):

| 1 | 2  | 3        |
|---|--|----------|
| 3 | Về tính sáng tạo, tính mới của kết quả nghiên cứu của Dự án sản xuất thử nghiệm<br><i>Nhận xét:</i>  | <u>2</u> |
| 4 | Tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Dự án sản xuất thử nghiệm (bài báo, ấn phẩm,...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn<br><i>Nhận xét:</i>  | <u>1</u> |
| 5 | Có những thành tựu nổi bật khác <i>liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của Dự án sản xuất thử nghiệm</i> , thể hiện bằng vị thế của nhà khoa học (những cá nhân tham gia Dự án sản xuất thử nghiệm) trong giới khoa học quốc tế; những công việc tư vấn được mời tham gia; đóng góp vào thành tựu khoa học quốc tế...<br><i>Nhận xét:</i> | <u>1</u> |

09673699



6.3. Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả Khoa học công nghệ (**được đánh giá tối đa 12 điểm**):

| 1 | 2   | 3               |
|---|---|-----------------|
| 6 | <p>Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng</p> <p><b>Nhận xét:</b></p> | <p><u>2</u></p> |
| 7 | <p>Đã được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích</p> <p><b>Nhận xét:</b></p>   | <p><u>4</u></p> |

|   |   |          |
|---|---|----------|
| 8 | <p>Về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội<br/>(Sản phẩm Khoa học công nghệ đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn: doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Dự án sản xuất thử nghiệm tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận,...)<br/><b>Nhận xét:</b></p> | <u>6</u> |
|---|---|----------|

09673699

6.4. Đánh giá về tổ chức và quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Dự án sản xuất thử nghiệm (**được đánh giá tối đa 8 điểm**):

| 1 | 2  | 3        |
|---|--|----------|
| 9 | <p>Đánh giá về việc huy động nguồn vốn khác cho việc thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm<br/><b>Nhận xét</b></p> | <u>4</u> |

| 1           | 2   | 3                |
|-------------|---|------------------|
| 10          | <p>Đánh giá về tổ chức và quản lý của Dự án sản xuất thử nghiệm</p> <p><i>Nhận xét:</i></p>                     | <u>2</u>         |
| 11          | <p>Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Dự án sản xuất thử nghiệm</p> <p><i>Nhận xét:</i></p> | <u>2</u>         |
| <b>Cộng</b> |   | <b><u>40</u></b> |

7. Đánh giá, nhận xét chung về các kết quả thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm:



8. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của Dự án sản xuất thử nghiệm (*chỉ sử dụng cho những trường hợp được dự kiến đánh giá ở mức “Không đạt”*):

9. Đóng góp của thành viên Hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết (bắt buộc phải ghi)

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**  
(*Họ tên và chữ ký*)

**D2-6-PDGĐT-NN****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG  
NGHỆ TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ KẾT  
QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ  
NGHIỆM CẤP NHÀ NƯỚC**

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT  
THỬ NGHIỆM CẤP NHÀ NƯỚC**

(kèm theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/5/2004  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

**1. Tên Dự án sản xuất thử nghiệm:**

- Mã số:

**2. Thuộc Chương trình (nếu có):****3. Chủ nhiệm Dự án sản xuất thử nghiệm:****4. Cơ quan chủ trì Dự án sản xuất thử nghiệm:****5. Tên chuyên gia đánh giá:****6. Bảng chấm điểm các chỉ tiêu đánh giá:**

6.1. Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm theo yêu cầu của Hợp đồng (**được đánh giá tối đa 16 điểm**):

| Thứ tự | Chỉ tiêu đánh giá  | Điểm tối đa                | Điểm đánh giá của Chuyên gia |
|--------|--|----------------------------|------------------------------|
| 1      | 2  | 3                          | 4                            |
| 1      | Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm khoa học công nghệ của Dự án sản xuất thử nghiệm  | <u>8</u>                   |                              |
| 2      | Về phương pháp triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ<br>+ Về phương pháp triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm, phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm, phương án tài chính, phương án tiêu thụ sản phẩm...<br>+ Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ,... | <u>8</u><br><br>4<br><br>4 |                              |

6.2. Giá trị khoa học của các kết quả khoa học công nghệ của Dự án sản xuất thử nghiệm (**được đánh giá tối đa 4 điểm**):

| 1 | 2   | 3        | 4 |
|---|---|----------|---|
| 3 | Về tính mới, tính sáng tạo của Dự án sản xuất thử nghiệm  | <u>2</u> |   |
| 4 | Tình hình công bố kết quả nghiên cứu của Dự án sản xuất thử nghiệm (bài báo, ấn phẩm, ...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn  | <u>1</u> |   |
| 5 | Có những thành tựu nổi bật khác <i>liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của Dự án sản xuất thử nghiệm</i> , thể hiện bằng vị thế của nhà khoa học (những cá nhân tham gia Dự án sản xuất thử nghiệm) trong giới khoa học quốc tế; những công việc tư vấn được mời tham gia; đóng góp vào việc trao đổi khoa học quốc tế,... | <u>1</u> |   |

6.3. Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả khoa học công nghệ (**được đánh giá tối đa 12 điểm**):

| 1 | 2   | 3        | 4 |
|---|---|----------|---|
| 6 | Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng; | <u>2</u> |   |



|   |  |          |  |
|---|--|----------|--|
| 7 | Đã được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;  | <u>4</u> |  |
| 8 | Về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội<br>(sản phẩm khoa học công nghệ đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn: doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Dự án sản xuất thử nghiệm tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận) | <u>6</u> |  |

**6.4. Đánh giá về tổ chức và quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Dự án sản xuất thử nghiệm (được đánh giá tối đa 8 điểm):**

|                     |   |                  |  |
|---------------------|---|------------------|--|
| 9                   | Đánh giá về việc huy động nguồn vốn khác cho việc thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm | <u>4</u>         |  |
| 10                  | Đánh giá về tổ chức và quản lý của Dự án sản xuất thử nghiệm                          | <u>2</u>         |  |
| 11                  | Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Dự án sản xuất thử nghiệm      | <u>2</u>         |  |
| <b>Tổng số điểm</b> |   | <b><u>40</u></b> |  |

**7. Kết luận của chuyên gia về việc xếp loại Dự án sản xuất thử nghiệm (đánh dấu  $\checkmark$  vào ô tương ứng phù hợp):**

**1. Đạt:** Không vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài (áp dụng cho Dự án sản xuất thử nghiệm) và phải **Đạt 20 điểm trở lên**, được chia các mức như sau:

• **Mức A:**

**Từ 35 - 40 điểm**, trong đó: đạt điểm tối đa về giá trị khoa học - 4/4 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 2 và đạt điểm tối đa về giá trị ứng dụng - 12/12 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 3.

• **Mức B: Từ 27 đến dưới 35 điểm.**

• **Mức C: Từ 20 đến dưới 27 điểm.**

**2. Không Đạt: Dưới 20 điểm** hoặc vi phạm một trong các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 9 Quy định đánh giá kết quả Đề tài (áp dụng cho Dự án sản xuất thử nghiệm).

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

(Họ, tên và chữ ký)